

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ, CHUNG TAY THÁO GỠ NHỮNG LỰC CẢN ĐỂ THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI BỀN VỮNG

NGUYỄN THỊ HÀ (*)

Sinh thời, khi nói về vai trò của người phụ nữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng phát biểu: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ. Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”. Xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển đất nước, việc phát huy vai trò của phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ quan trọng, được khẳng định trong các văn kiện của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa và xã hội. Trong kỷ nguyên mới của đất nước, cần có các giải pháp đồng bộ nhằm tiếp tục phát huy vai trò của phụ nữ, chung tay tháo gỡ những lực cản trong thúc đẩy bình đẳng giới bền vững.

Những thành tựu về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ

Sau gần 30 năm thực hiện Tuyên bố và Chương trình hành động Bắc Kinh năm 1995 và 10 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới (BDG) và tăng quyền năng cho phụ nữ. Sự ra đời của Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) năm 2022, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác với nhiều quy định mới nhằm bảo đảm quyền của phụ nữ, thúc đẩy BDG trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực

trên cơ sở giới. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 được ban hành với nhiều mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp đa dạng nhằm thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ, nam giới tham gia và thụ hưởng bình đẳng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia xóa bỏ khoảng cách giới nhanh nhất trong vòng 20 năm qua, đồng thời là một trong những quốc gia hoàn thành sớm nhất Mục tiêu thiên niên kỷ về BDG, nâng cao vị thế cho phụ nữ và hiện đang nỗ lực thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, trong đó có các mục tiêu về thúc đẩy BDG và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái (UNDP, 2022). Với tỷ lệ 50,1% dân số và 46,8% lực lượng lao động (năm 2023), phụ nữ Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế và vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giúp Việt Nam duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong thập kỷ qua.

Trong lĩnh vực chính trị, những năm qua, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp, tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tăng lên qua các khóa. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tăng từ 24,4% khóa XIII (2010-2015) lên 26,7% khóa XIV (2016-2021) và 30,26% khóa XV (2021-2026), đạt mức cao ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tỷ lệ phụ nữ tham gia Ban Chấp hành Trung ương tăng liên tiếp trong 3 khóa X, XI, XII với các tỷ lệ tương ứng là 7,5%; 8,13%; 10% và giảm nhẹ còn 9,5% trong khóa XIII - phản ánh sự tham gia ngày càng tăng của phụ nữ vào các quyết sách quan trọng của đất nước. Đội ngũ cán bộ nữ đã có sự phát triển không ngừng cả về số lượng

(*) *Thứ trưởng Bộ Nội vụ*



Ngày 15/10/2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì Hội nghị đối thoại với phụ nữ Việt Nam, chủ đề "Thúc đẩy bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội". Nguồn ảnh: Báo Nhân Dân

và chất lượng, ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào vị trí lãnh đạo, quản lý, các vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc⁽¹⁾.

Trong lĩnh vực y tế, việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng được cải thiện, tỷ lệ phụ nữ được tiếp cận các dịch vụ y tế tăng dần và đạt 90% (năm 2022); hệ thống chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ di cư từ nông thôn ra thành thị đã được tăng cường; hệ thống dịch vụ hỗ trợ người trải qua bạo lực trên cơ sở giới đã được cải thiện và mở rộng.

Trong lĩnh vực giáo dục, tỷ lệ nhập học của trẻ em trai và trẻ em gái ở bậc tiểu học, trung học ngày càng tăng và đều ở mức cao; tỷ lệ nữ sinh viên theo học đại học, cao đẳng ngày càng tăng, đặc biệt trong các ngành xã hội, giáo dục và y tế. Theo báo cáo của Liên hợp quốc, Việt Nam là một trong những quốc gia có sự cải thiện mạnh mẽ về chỉ số bất bình đẳng giới (GII), đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và y tế⁽²⁾.

Trong lĩnh vực kinh tế - lao động, tỷ lệ tham gia thị trường lao động của phụ nữ từ 15 tuổi trở lên luôn ở mức cao so với khu vực và quốc tế (đạt 62,9% năm 2023), trong khi tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lao động nữ đều ở mức rất thấp (tương ứng 2,24% và 1,93% năm 2023). Đặc biệt, trong khu vực kinh tế tư nhân, ngày càng có nhiều nữ doanh nhân khởi nghiệp, sản xuất, kinh doanh thành công, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và đổi mới sáng tạo. Hiện nay, khoảng 28,2% số doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh ở Việt Nam là do nữ làm chủ⁽³⁾ và ngày càng có nhiều nữ doanh nhân, nữ giám đốc điều hành xuất sắc được các diễn đàn, tổ chức uy tín về kinh tế trên thế giới ghi nhận và tôn vinh.

Theo Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới năm 2024, Việt Nam xếp thứ 72 với điểm BĐG đạt 71,5% (cao hơn mức trung bình toàn cầu và khu vực Đông Á - Thái Bình Dương), tăng 11 bậc so với năm 2022. Vị thế, vai trò của Việt Nam trong các cơ chế, diễn đàn quốc tế về BĐG

và thúc đẩy quyền của phụ nữ ngày càng được khẳng định. Ngày 09/4/2024, Hội đồng Kinh tế Xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) đã bầu Việt Nam vào Hội đồng Chấp hành của cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) nhiệm kỳ 2025-2027. Kể từ tháng 01/2025 đến hết năm 2027, Việt Nam tham gia điều phối xây dựng và triển khai các định hướng lớn của UN Women, bảo đảm các chiến lược và hoạt động của cơ quan này nhất quán với các mục tiêu và chính sách tổng thể của Liên hợp quốc về thúc đẩy BĐG và trao quyền cho phụ nữ⁽⁴⁾. Việc tất cả thành viên ECOSOC đồng thuận bầu Việt Nam vào Hội đồng Chấp hành UN Women thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao của cộng đồng quốc tế đối với các chính sách, thành tựu về thúc đẩy BĐG và nỗ lực hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Nhận diện những rào cản trong thực hiện bình đẳng giới

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện mục tiêu BĐG bền vững và sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn. Đó là sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý còn chưa tương xứng với tiềm năng. Mặc dù là một trong những nước có tỷ lệ phụ nữ trong Quốc hội cao nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhưng Việt Nam vẫn chưa đạt mục tiêu 35%-40% do Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị đề ra⁽⁵⁾. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia vào các vị trí cấp chiến lược, các vị trí lãnh đạo chủ chốt còn thấp so với tiềm năng và nguồn lực cán bộ nữ cũng như so với yêu cầu phát triển của đất nước⁽⁶⁾. Còn nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị tỷ lệ cán bộ nữ chưa đạt yêu cầu; càng lên cấp cao thì tỷ lệ nữ cấp ủy càng có xu hướng giảm; vẫn có nơi không có nữ trong ban thường vụ, ban chấp hành, đặc biệt là ở cấp cơ sở.

Vấn đề việc làm kém chất lượng với trình độ tay nghề thấp của lao động nữ là hạn chế và thách thức lớn trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia. Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của lao động nữ đạt 23,67%, thấp hơn 6,4 điểm % so với tỷ lệ tương ứng của nam giới (30,1%); tỷ lệ phụ nữ học tập và làm việc

trong các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ tương ứng của nam giới. Lao động nữ có mức độ đại diện cao hơn so với nam giới trong các việc làm dễ bị tổn thương và việc làm có kỹ năng thấp. Kết quả, có sự chênh lệch đáng kể về thu nhập giữa nam giới và nữ giới. Năm 2023, thu nhập của lao động làm công hưởng lương của nữ giới là bình quân 7,3 triệu đồng/người/tháng, chỉ bằng 87% mức bình quân của nam giới (8,3 triệu đồng/người/tháng). Đặc biệt, phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ, kỹ năng số và các chương trình đào tạo nghề hiện đại, điều này làm gia tăng nguy cơ bị bỏ lại phía sau trong thời đại chuyển đổi số và kinh tế tri thức.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023 phụ nữ Việt Nam dành trung bình 16,1 giờ mỗi tuần cho việc nhà, gấp 1,8 lần với nam giới dù họ cũng tham gia lực lượng lao động ngoài xã hội⁽⁷⁾. Khoảng cách này còn lớn hơn trong cộng đồng nông thôn hay người dân tộc thiểu số do người phụ nữ thường được xem là chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc con cái, bố mẹ già yếu và người thân ốm đau, bệnh tật. Gánh nặng công việc nội trợ và chăm sóc là cản trở lớn trong tiếp cận cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp của lao động nữ.

Vấn đề phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội và bất bình đẳng về mức sống và cơ hội phát triển có xu hướng gia tăng, mầm mống của mất ổn định xã hội và làm trầm trọng thêm bất BĐG trong xã hội. Bất bình đẳng về thu nhập của Việt Nam có xu hướng giảm (GINI về thu nhập giảm từ 0,433 năm 2010 còn 0,373 năm 2023), nhưng vẫn còn ở mức cao giữa các nhóm dân cư, các địa bàn, giữa các nhóm người nghèo và không nghèo. Năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn quốc đã giảm còn 1,93% nhưng tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số hiện vẫn còn gần 13% và tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn gần 25%; tỷ lệ tái nghèo còn cao, nhất là ở các hộ gia đình có chủ hộ là nữ và ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phụ nữ dân tộc thiểu số chịu bất lợi “đạn xen” từ các yếu tố nghèo, dân tộc và giới.

Tình trạng bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới còn diễn biến phức tạp, gây bức xúc xã hội. Bạo lực trên cơ sở giới diễn ra ở nhiều nơi, đặc biệt ngay trong gia đình, đã gây nên hậu quả rất nghiêm trọng cả về thể chất, tinh thần, kinh tế và xã hội, phụ nữ và trẻ em gái thường phải chịu tác động nặng nề, trong khi, các dịch vụ hỗ trợ người bị bạo lực, bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới chưa được bao phủ toàn diện, chưa có các quy trình nhằm giảm thiểu rủi ro xâm hại tình dục.

Nguyên nhân của các vấn đề trên bao gồm cả khách quan và chủ quan, đó là định kiến giới và nhận thức về BDG, về vai trò, năng lực của phụ nữ còn hạn chế; hạn chế trong nhận thức, năng lực và tâm lý thiếu tự tin của bản thân phụ nữ dẫn đến sự yếu thế của lao động nữ trong gia đình và thị trường lao động; những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành chính sách, pháp luật về BDG trong các lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm, giáo dục - đào tạo và an sinh xã hội; vẫn còn những quy định mang tính phân biệt đối xử về giới trực tiếp hoặc gián tiếp; các thể chế chính thức thường hạn chế quyền của lao động nữ tiếp cận đến các nguồn lực (đất đai, tín dụng...); công tác thống kê, thông tin về BDG còn khó khăn do thiếu cơ sở dữ liệu phân tách giới tính; ngân sách cho công tác này còn hạn chế và không có ngân sách phân bổ cho việc lồng ghép vấn đề BDG vào xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội...

Khuyến nghị phát huy tốt hơn nữa vai trò của phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới bền vững

Có thể khẳng định, việc phát huy hiệu quả vai trò của phụ nữ và thúc đẩy những tiến bộ BDG bền vững không chỉ là yêu cầu mang tính nhân văn, đảm bảo công bằng xã hội mà còn là động lực chiến lược góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển đất nước bền vững thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước. Do vậy, để đạt được sự BDG thực sự cho phụ nữ, cần tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BDG và cơ chế thực thi. Theo đó, cần chú trọng thiết kế chính sách có trách nhiệm giới theo hướng bao trùm, tích

hợp và đổi mới, nhất là thay đổi cách tiếp cận xây dựng, hoàn thiện chính sách từ “bảo vệ phụ nữ” sang “bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới” trong toàn bộ hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế - xã hội; hoàn thiện khung thể chế, pháp luật và chính sách để thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ và nam giới, đặc biệt là trong quá trình ra quyết định ở mọi lĩnh vực. Đặc biệt, cần nâng cao hiệu quả thực thi Luật Bình đẳng giới và các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan; tiếp tục rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái; áp dụng các biện pháp thúc đẩy BDG với chính sách ưu tiên hợp lý để thu hẹp khoảng cách giới trong một số lĩnh vực, vùng miền, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số; nghiên cứu và xây dựng chính sách phát triển nền kinh tế chăm sóc.

Thứ hai, thay đổi nhận thức và hành vi về vai trò giới. Nâng cao nhận thức cần được thực hiện như một chiến lược lâu dài và liên tục, bắt đầu từ giáo dục trẻ em đến xã hội, trong đó chú trọng đến những người có ảnh hưởng trong cộng đồng. Các chương trình giáo dục giới tính cần được lồng ghép vào hệ thống giáo dục chính quy để giúp trẻ em hiểu về giá trị của BDG. Ngoài ra, cần có các chiến dịch truyền thông cộng đồng để thay đổi nhận thức, giảm thiểu các định kiến về vai trò giới; tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về BDG về phân công lao động tại nơi làm việc, trong gia đình nhằm nâng cao nhận thức của nam giới, bản thân phụ nữ và toàn xã hội về cùng chia sẻ trách nhiệm gia đình, ghi nhận công việc nội trợ, chăm sóc gia đình, để tạo cơ hội công bằng cho cả nam và nữ trong phát triển nghề nghiệp; đẩy mạnh các chiến lược truyền thông thay đổi khuôn mẫu giới tại các vùng nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thay đổi những định kiến giới về phụ nữ học tập và làm việc trong các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học.

Thứ ba, tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lãnh đạo và ra quyết định. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phát triển cán bộ nữ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và đẩy mạnh việc thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về công tác phát triển đội ngũ cán bộ nữ để có được đội ngũ

cán bộ nữ tương xứng. Chú trọng hơn nữa công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ làm công tác lãnh đạo, quản lý; nâng cao năng lực của phụ nữ làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân; phát huy vai trò lãnh đạo của cán bộ nữ có tài năng trong khu vực công, qua đó bồi dưỡng, đào tạo nhân lực nữ cho phát triển kinh tế tri thức, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số; chú trọng đào tạo cán bộ nữ trong đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo và trong các lĩnh vực có tỷ lệ cán bộ nữ chưa tương xứng.

Thứ tư, tăng cường chính sách, chương trình hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nữ, cho người nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các nhóm đối tượng yếu thế, lao động có hoàn cảnh khó khăn khác. Đồng thời, phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt, gắn với tạo việc làm đối với lao động nữ để giúp phụ nữ được tiếp cận với những ngành nghề hiện nay giới đang chiếm chủ đạo; có chính sách phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao, khuyến khích và thúc đẩy lao động nữ tham gia đào tạo ngành khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số, nhất là ứng dụng công nghệ 4.0. Khuyến khích sự tham gia, đóng góp của phụ nữ trong các lĩnh vực liên quan đến khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, đổi mới sáng tạo, trong đó phụ nữ và trẻ em gái được hỗ trợ, định hướng học tập, đào tạo và phát triển sự nghiệp trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, kinh tế số...; hỗ trợ phụ nữ tham gia thị trường lao động một cách bình đẳng, kể cả thông qua việc ghi nhận, giảm thiểu, phân bổ lại việc nhà và công việc chăm sóc không trả công, đi đôi với phát triển nền kinh tế chăm sóc.

Thứ năm, tăng cường đào tạo kỹ năng số cho phụ nữ và trẻ em gái để thu hẹp khoảng cách giới trong kỹ năng số, cũng như đảm bảo phụ nữ được trang bị kỹ năng số, tiếp cận nền tảng học tập và làm việc trực tuyến là chìa khóa giúp họ vươn lên trong thời đại kinh tế tri thức; cần tạo lập môi trường thuận lợi, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số và ứng dụng công nghệ số trong các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp do

nữ làm chủ; tạo điều kiện cho các doanh nhân nữ được đào tạo, tập huấn và tham gia vào chương trình chuyển đổi số.

Thứ sáu, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành về dân số, lao động và các nhóm đối tượng chính sách xã hội có phân tách theo giới tính, đảm bảo liên thông và kết nối để chia sẻ và xác thực dữ liệu tự động, an toàn, bảo mật; hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước về chính sách xã hội; số hóa các quy trình quản lý và triển khai thực hiện chính sách. Đảm bảo giới được lồng ghép một cách nhất quán vào quá trình lập kế hoạch và quy trình ngân sách, trên cơ sở nhận diện các vấn đề giới cần giải quyết trong mỗi ngành, lĩnh vực, chương trình/đề án; huy động nguồn lực của khu vực tư nhân, hợp lực chung tay cùng giải quyết các vấn đề xã hội, đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cộng đồng; sử dụng ngân sách một cách có hiệu quả dựa trên xác định những vấn đề/chính sách trọng tâm ở mỗi giai đoạn/thời kỳ, mỗi chính sách./.

Ghi chú:

(1), (6) Nguyễn Việt Trung (2024), *Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp*, Tạp chí Xây dựng Đảng (nguồn: <https://www.xaydungdang.org.vn/>).

(2) UNDP (2024), *Báo cáo Phát triển con người toàn cầu 2023*.

(3) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2024), *Báo cáo quốc gia 30 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam*.

(4) Chính phủ, *Báo cáo số 102/BC-CP ngày 15/02/2025 kết quả thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới*.

(5) Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra mục tiêu: "Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%"*.

(7) Tổng cục Thống kê (2024), *Thông tin Thống kê giới tại Việt Nam năm 2023*.